



TP. HCM, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TÍNH TOÁN, XÁC ĐỊNH ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG MIỀN NAM

TP. HỒ CHÍ MINH – 2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TÍNH TOÁN, XÁC ĐỊNH
ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

THỰC HIỆN:

Ths. Nguyễn Tiến Bùi
Ths. Vũ Ngọc Tùng
Ths. Trần Trí Huệ
Ths. Nguyễn Việt Long
Ths. Nguyễn Thị Thùy Linh
Ths. Nguyễn Hồng Linh
Ths. Phạm Thanh Tùng
Ths. Nguyễn Đình Tiếp
Ks. Phạm Tiến Anh

CHỦ TRÌ



Ths. VÕ NGỌC THÙY TRANG
Chứng chỉ hành nghề định giá XD
hạng 1, số BXD – 00064106

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Mạnh

MỤC LỤC

VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG	1
PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG MIỀN NAM	1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	1
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.....	1
I. CĂN CỨ.....	3
1. Cơ sở pháp lý	3
2. Nguyên tắc điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng	3
2.1 Nguyên tắc	3
2.2 Nội dung Đơn giá nhân công xây dựng	4
2.3 Điều tra, khảo sát xác định đơn giá nhân công xây dựng	5
II. ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT	5
1. Cơ sở pháp lý	5
2. Quá trình điều tra, khảo sát.....	6
III. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT	7
1. Đặc điểm vị trí địa lý, kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai.....	7
1.1 Vị trí địa lý.....	7
1.2 Địa hình.....	8
1.3 Khí hậu.....	8
1.4 Đặc điểm kinh tế xã hội.....	9
1.5 Phân Vùng lương theo quy định của Chính phủ.....	9
2. Các công trình có diện thông tin và gửi lại phiếu điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....	10
3. Kết quả điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng từ kết quả trúng thầu, hồ sơ quyết toán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....	20
IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CÔNG BỐ ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG	27
V. KẾT QUẢ TÍNH TOÁN ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI.	27
1. Bảng tổng hợp đơn giá nhân công từng vùng của địa phương	27
2. Kết quả tính toán đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	32
3. So sánh tỷ lệ tăng, giảm (%) đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai so với đơn giá nhân công tại Quyết định số 329/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai cũ) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.....	33
4. So sánh tỷ lệ tăng, giảm (%) đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai so với đơn giá nhân công tại Quyết định số 3581/QĐ-SXD ngày 19/11/2024 của Sở Xây dựng Bình Phước (tỉnh Bình Phước cũ) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng ; Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	34
5. Tình hình công bố đơn giá nhân công các địa phương lân cận tỉnh Đồng Nai và So sánh tỷ lệ tăng, giảm (%) đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai so với các địa phương lân cận (nếu có).....	35

I. CĂN CỨ

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định 128/2024/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng.
- Căn cứ Hợp đồng số .../2025/HĐTV ngày .../07/2025 ký kết giữa Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai và Viện Kinh tế xây dựng uỷ quyền cho Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam (theo Giấy uỷ quyền ngày .../..../2025 của Viện trưởng Viện kinh tế Xây dựng) V/v: Tư vấn xác định đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Kế hoạch số 15/KH-SoXD ngày 19/08/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai V/v: khảo sát đơn giá nhân công xây dựng; xác định giá ca máy và thiết bị thi công năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Nguyên tắc điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng

2.1 Nguyên tắc

Đơn giá nhân công xây dựng được xác định đảm bảo nguyên tắc:

- Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát, xác định và công bố phù hợp với nhóm nhân công xây dựng quy định tại Bảng 4.1 Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD và quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD V/v: hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá nhân công xây dựng được khảo sát, xác định và công bố đã bao gồm các khoản phụ cấp và bảo hiểm người lao động phải nộp theo quy định và không bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp theo quy định. Đơn giá nhân công xây dựng được xác định cho thời gian làm việc là 8h/ngày và 26 ngày/tháng theo quy định.

- Việc xác định, công bố đơn giá nhân công xây dựng phải phù hợp với mặt bằng giá nhân công xây dựng trên thị trường lao động của từng địa phương nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Địa phương căn cứ vào đặc điểm của từng khu vực cụ thể để lựa chọn khu vực khảo sát, công bố đơn giá nhân công cho phù hợp.

- Việc lựa chọn khu vực khảo sát, thu thập số liệu để xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng phải đảm bảo đủ số lượng thông tin yêu cầu tối thiểu, đảm bảo độ tin cậy và phản ánh được mặt bằng nhân công xây dựng tại khu vực cần công bố. Khu vực được lựa chọn để khảo sát và công bố đơn giá nhân công xây dựng là khu vực có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phù hợp quy định phân vùng của Chính phủ.

- Các công trình, dự án được lựa chọn khảo sát, thu thập thông tin để xác định và công bố đơn giá nhân công xây dựng đảm bảo tính phổ biến về loại công trình, điều kiện thi công, tiến độ thi công, công nghệ thi công. Các đối tượng được lựa chọn để phỏng vấn thu thập thông tin (các chuyên gia, chủ đầu tư, nhà thầu...) phải có kinh nghiệm, sự am hiểu về lĩnh vực xây dựng và thị trường nhân công xây dựng. Các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn được lựa chọn để khảo sát, thu thập thông tin phải là các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng.

- Quá trình khảo sát, thu thập thông tin theo trình tự, phương pháp và các bảng, biểu mẫu được thực hiện theo phụ lục số Phụ lục IV Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng. Số liệu thu thập được đảm bảo tính trung thực, khách quan, có sự xác nhận của các bên có liên quan.

- Số liệu khảo sát, thống kê sử dụng để xác định đơn giá nhân công xây dựng phải được xử lý, sàng lọc, rà soát trước khi tính toán xác định đơn giá nhân công xây dựng.

2.2 Nội dung Đơn giá nhân công xây dựng

Đơn giá nhân công xây dựng được xác định cho thời gian làm việc là 8h/ngày và 26 ngày/tháng. Riêng đối với nhóm nhân công xây dựng làm công

việc có tính chất đặc biệt thì thời gian làm việc trong một ngày theo quy định hiện hành và được quy đổi về thời gian làm việc là 8h/ngày. Đơn giá nhân công xây dựng được xác định theo nhóm nhân công của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng, phù hợp với trình độ tay nghề theo cấp bậc thợ nhân công trong hệ thống định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2.3 Điều tra, khảo sát xác định đơn giá nhân công xây dựng

a) Khảo sát trực tiếp tại công trình:

Đối với các công tác xây dựng thuộc Nhóm: I, III, IV và các nhóm nhân công khác tại Bảng 4.1 phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD: Cần thực hiện khảo sát tối thiểu đơn giá nhân công của 03 công tác xây dựng trong mỗi nhóm theo tổ đội thực hiện công tác đó; mỗi công tác xây dựng cần thực hiện khảo sát tối thiểu tại 03 công trình xây dựng.

Đối với các công tác xây dựng thuộc Nhóm II: cần thực hiện khảo sát tối thiểu tại 03 loại hình công trình xây dựng, số lượng công tác xây dựng cần thực hiện khảo sát tối thiểu là 15 công tác xây dựng (bảo đảm các công tác xây dựng được khảo sát tập trung các công tác xây dựng chủ yếu trong nhóm nhân công). Mỗi công tác xây dựng được khảo sát tối thiểu tại 03 công trình xây dựng.

b) Khảo sát, thu thập số liệu tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: Cần thực hiện khảo sát ít nhất tại 05 doanh nghiệp xây dựng có kinh nghiệm thi công xây dựng đại diện đối với 05 loại hình công trình xây dựng. Số liệu thu thập là hợp đồng lao động và/hoặc bảng lương doanh nghiệp chi trả cho công nhân xây dựng tại các công trình trong vòng 02 năm gần thời điểm khảo sát nhất.

c) Khi thực hiện khảo sát trực tiếp tại công trình và các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn, trường hợp không đủ số lượng cần khảo sát theo quy định tại điểm a, b trên thì kết hợp với số liệu khảo sát từ nguồn khảo sát chuyên gia có kinh nghiệm, chủ đầu tư, nhà thầu và cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai và nguồn Thống kê số liệu từ hồ sơ quyết toán hoàn thành, số liệu kết quả trúng thầu của công trình xây dựng tại khu vực công bố có điều chỉnh theo chỉ số giá nhân công xây dựng về thời điểm xác định để đảm bảo số mẫu khảo sát theo quy định.

d) Đơn giá nhân công xây dựng của mỗi công tác xây dựng thứ i trong công thức (4.1) được điều tra bằng mẫu phiếu khảo sát tại các Bảng 4.3, Bảng 4.4, Bảng 4.5 và tổng hợp số liệu tính toán theo Bảng 4.6 của Phụ lục IV Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025.

II. ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

1. Cơ sở pháp lý.

Đơn vị tư vấn trực tiếp đến gửi phiếu điều tra khảo sát đến các Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án các khu vực, các đơn vị tư vấn, các nhà

thầu thi công xây dựng đang thực hiện thi công công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 04/09/2025 đến ngày 12/09/2025.
- Các khu vực thực hiện điều tra thu thập số liệu:
 - + Khu vực Vùng I: gồm các phường Biên Hòa, Trảng Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Tân Triều, Phước Tân, Tam Phước, Phú Lý và các xã Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, Long Thành, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất, Xuân Đường, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, Trại An, Tân An.
 - + Khu vực Vùng II: gồm các phường Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bình Phước và các xã Xuân Quế, Cẩm Mỹ, Sông Ray, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Nha Bích, Tân Quan, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú, Đak Lua, Thanh Sơn.
 - + Khu vực Vùng IV: gồm các xã Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo, Bù Gia Mập, Đăk O.
 - Khu vực Vùng III: gồm các xã, phường còn lại.
 - Đối tượng khảo sát:
 - + Thực hiện việc điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng đối với một số công trình xây dựng do các Ban QLDA chuyên ngành, Ban QLDA các khu vực làm chủ đầu tư; các công trình do đơn vị thi công xây dựng đã thi công xây dựng hoàn thành trong 2 năm trên địa bàn khảo sát.
 - + Danh sách các tổ chức, đơn vị, các công trình theo đề xuất của Tổ khảo sát và các đơn vị phối hợp thực hiện.

2. Quá trình điều tra, khảo sát

Các thành viên Tổ khảo sát theo Quyết định của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai tiến hành khảo sát theo danh mục, Kế hoạch đã thông báo tới các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tiến hành gửi phiếu khảo sát, thu thập đơn giá nhân công xây dựng công trình tại Ban QLDA các công trình: Ban QLDA công trình của các khu vực; các công ty nhà thầu thi công xây dựng và các công trường xây dựng trên địa bàn các xã, phường theo quy định phân vùng của Chính phủ.
- Quá trình điều tra, thu thập số liệu, Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam đã chuẩn bị sẵn tài liệu và các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BXD, gửi cho các đơn vị được khảo sát và hướng dẫn cách điền các thông tin, số liệu, đồng thời cùng trao đổi phương thức liên lạc giữa hai bên để giải đáp vướng mắc

trong quá trình thực hiện và hoàn thiện số liệu khảo sát cho phù hợp, phản ánh đúng với tình hình thực tế tại các công trình ở địa bàn các xã, phường.

+ Khu vực Vùng I: tiến hành khảo sát tại 11 Ban QLDA; 15 Công ty nhà thầu thi công xây dựng; 32 công trình xây dựng và khoảng 400 nhân công lao động trực tiếp.

+ Khu vực Vùng II: tiến hành khảo sát tại 07 Ban QLDA; 13 Công ty nhà thầu thi công xây dựng; 26 công trình xây dựng và khoảng 330 nhân công lao động trực tiếp.

+ Khu vực Vùng III: tiến hành khảo sát tại 05 Ban QLDA; 10 Công ty nhà thầu thi công xây dựng; 12 công trình xây dựng và khoảng 150 nhân công lao động trực tiếp.

+ Khu vực Vùng IV: tiến hành khảo sát tại 04 Ban QLDA; 09 Công ty nhà thầu thi công xây dựng; 11 công trình xây dựng và khoảng 140 nhân công lao động trực tiếp.

III. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

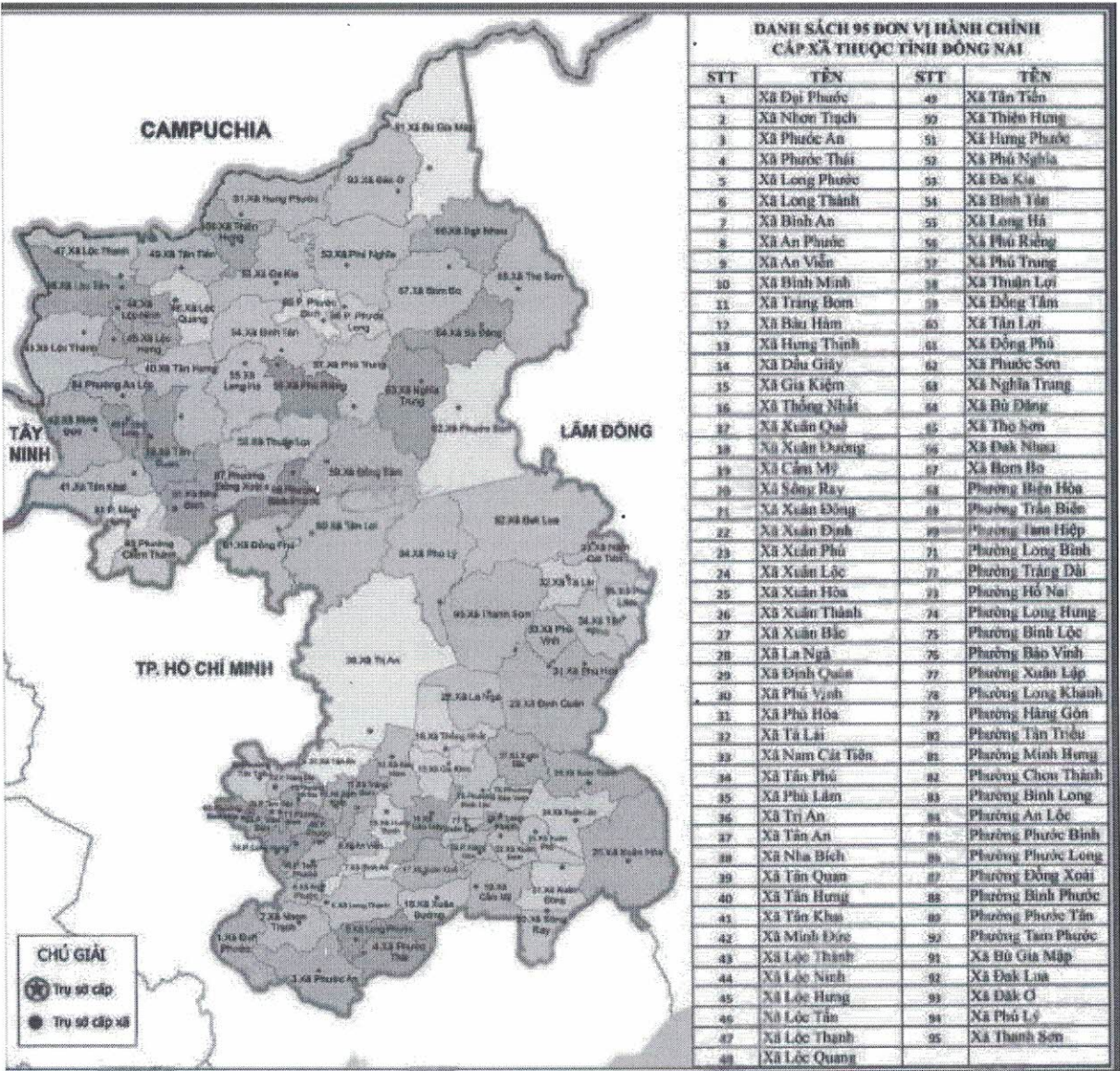
Căn cứ vào các bước thực hiện công tác khảo sát và hướng dẫn khảo sát tại Phụ lục IV Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng, Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam thực hiện xác định đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

1. Đặc điểm vị trí địa lý, kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai.

1.1 Vị trí địa lý.

Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh thuộc Vùng Đông Nam Bộ, có diện tích tự nhiên khoảng 12.737 km². Sau khi hợp nhất, tỉnh Đồng Nai có lợi thế về diện tích, dân số và là trung tâm công nghiệp lớn của khu vực Đông Nam Bộ, giữ vị trí chiến lược, tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai vừa thụ hưởng, vừa lan tỏa động lực phát triển từ Vùng kinh tế trọng điểm phía nam và giữ vai trò cửa ngõ kết nối các vùng khác, tỉnh có vị trí địa lý như sau :

- + Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng.
- + Phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh.
- + Phía Nam giáp giáp Thành phố Hồ Chí Minh
- + Phía Bắc giáp với Campuchia.



1.2 Địa hình

Tỉnh Đồng Nai có địa hình vùng đồng bằng và trung du với những núi sót rải rác, có xu hướng thấp dần theo hướng bắc nam, với địa hình tương đối bằng phẳng. Địa hình có thể chia làm các dạng là địa hình đồng bằng, địa hình trũng trên tràm tích đầm lầy biển, địa đồi lượn sóng, dạng địa hình núi thấp, đất phù sa, đất gley và đất cát có địa hình bằng phẳng, nhiều nơi trũng ngập nước quanh năm.

Rừng Đồng Nai có đặc trưng cơ bản của của rừng nhiệt đới, có tài nguyên động, thực vật phong phú đa dạng, tiêu biểu là vườn quốc gia Nam Cát Tiên. Tài nguyên khoáng sản khá phong phú về chủng loại như kim loại quý, kim loại màu, đá quý, nguyên liệu gốm sứ, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng, than bùn, nước khoáng và nước nóng

1.3 Khí hậu

Khí hậu Đồng Nai là khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa tương phản nhau là mùa khô và mùa mưa. Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm

sau, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11. Khoảng kết thúc mùa mưa dao động từ đầu tháng 10 đến tháng 12. Nhiệt độ trung bình năm 25 – 27 °C, nhiệt độ cao cực trị khoảng 40 °C và thấp cực trị 12,5 °C và số giờ nắng trong năm 2.500 – 2.700 giờ, độ ẩm trung bình luôn cao 80 – 82%.

1.4 Đặc điểm kinh tế xã hội

Về tình hình kinh tế - xã hội của Đồng Nai tháng 11 năm 2025: hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 11 ước tăng 1,93% so với tháng trước và tăng 18,10% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 11 tháng năm 2025, chỉ số IIP toàn ngành ước tăng 14,70% so với cùng kỳ.

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh (đã loại trừ hoàn thuế) ước thực hiện 11 tháng năm 2025 đạt 65.266,19 tỷ đồng, tăng 41,38% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2025 tăng 0,8% so tháng trước (khu vực thành thị tăng 1,06%; nông thôn tăng 0,56%); tăng 3,52% so cùng kỳ; bình quân 11 tháng tăng 3,42% so với bình quân cùng kỳ.

1.5 Phân Vùng lương theo quy định của Chính phủ.

Theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ thì tỉnh Đồng Nai được chia làm 04 vùng cụ thể như sau:

+ Vùng I: gồm các phường Biên Hòa, Trảng Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hồ Nai, Long Hưng, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Tân Triều, Phước Tân, Tam Phước, Phú Lý và các xã Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, Long Thành, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất, Xuân Đường, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, Trại An, Tân An.

+ Vùng II: gồm các phường Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bình Phước và các xã Xuân Quế, Cẩm Mỹ, Sông Ray, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Nha Bích, Tân Quan, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú, Đak Lua, Thanh Sơn.

+ Vùng IV: gồm các xã Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo, Bù Gia Mập, Đak O.

+ Vùng III: gồm các xã, phường còn lại.

2. Các công trình có điền thông tin và gửi lại phiếu điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ **Khu vực Vùng I:** gồm các phường Biên Hòa, Trảng Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Tân Triều, Phước Tân, Tam Phước, Phú Lý và các xã Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, Long Thành, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất, Xuân Đường, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, Trị An, Tân An.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.I.1	Sở Nông nghiệp & Môi trường tỉnh Đồng Nai	Sửa chữa Sở NN&MT Đồng Nai	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Kiến Minh	Phường Tam Hiệp
CT.I.2	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Nâng cấp, mở rộng Đường 25B đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Liên danh Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật điện và Xây dựng Hà Nội	Xã Long Thành
CT.I.3	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Xây dựng đường 25C đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1), huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch	Liên danh Tổng công ty Thành An - CTCP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	Xã Phước An
CT.I.4	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Hệ thống thoát nước chống ngập úng khu vực xung quanh Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện Long Thành	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Song Hân	Xã An Phước

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.I.5	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Sửa chữa, cải tạo Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Song Hân	Phường Tam Hiệp
CT.I.6	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn Quốc gia	Liên danh CTCP Kỹ thuật Đầu tư Xây lắp số 2 - Công ty TNHH MTV Vinh Hưng Thịnh - Công ty TNHH Tân Bửu Long	Xã Trảng Bom
CT.I.7	Ban QLDA khu vực 1	Xây dựng, cải tạo Trường Mầm non Tân Mai	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiên Phú Thịnh	Phường Tam Hiệp
CT.I.8	Ban QLDA khu vực 1	Xây dựng Trạm Y tế phường Tam Hiệp	Liên danh Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiên Phú Thịnh và CTCP Năng lượng WEME	Phường Tam Hiệp
CT.I.9	Ban QLDA khu vực 1	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế phường Bửu Hòa	Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiên Phú Thịnh	Phường Biên Hòa
CT.I.10	Ban QLDA khu vực 2	Cầu Thiện Mỹ	Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguyễn Luận	Phường Bảo Vinh
CT.I.11	Ban QLDA khu vực 2	Nâng cấp Tuyến đường Duy Tân	Công ty TNHH Xây dựng Đông Nhật Huy	Phường Bảo Vinh
CT.I.12	Ban QLDA khu vực 3	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Công ty TNHH Đại Đại Hùng	Xã Trảng Bom
CT.I.13	Ban QLDA khu vực 3	Mương Tân Lập 2	Công ty TNHH Đại Đại Hùng	Xã Bàu Hàm

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.I.14	Ban QLDA khu vực 3	Đường liên Ấp 5 - Ấp 6 (Đường vào KCN Giang Điền)	Công ty TNHH Xây dựng Mạnh Tuấn Tú	Xã An Viễn
CT.I.15	Ban QLDA khu vực 3	Hệ thống Mương thoát nước tổ 8 ấp Tân Thịnh, xã đội 61	Công ty TNHH Xây dựng Mạnh Tuấn Tú	Xã An Viễn
CT.I.16	Ban QLDA khu vực 4	Xây dựng Đường trục chính D8 từ đường N1 đến QL1A	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Dầu Giây
CT.I.17	Ban QLDA khu vực 4	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Dầu Giây
CT.I.18	Ban QLDA khu vực 4	Trường THCS Lý Tự Trọng	Công ty CP Kỹ thuật Đầu tư xây lắp số 2	Xã Dầu Giây
CT.I.19	Ban QLDA khu vực 5	Trường Mẫu giáo An Phước	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Song Hân	Xã Long Thành
CT.I.20	Ban QLDA khu vực 5	Trường Tiểu học Long Phước	Liên danh Công ty TNHH Thiết kế XD Thiên Phú Thịnh và Công ty TNHH XD Đình Thịnh Phát và Công ty TNHH MTV Đình Phúc	Xã Long Phước
CT.I.21	Ban QLDA khu vực 7	Nâng cấp Đường Gia Ty - Cao Su	Công ty TNHH Ninh Thịnh	Xã Xuân Thành
CT.I.22	Ban QLDA khu vực 7	Nâng cấp, mở rộng Đường Hùng Vương-Trần Phú	Công ty TNHH Xây dựng Đông Nhật Huy	Xã Xuân Lộc
CT.I.23	Ban QLDA khu vực 7	Trường Mầm non Xuân Hưng	Công ty CP Kỹ thuật Đầu tư xây lắp số 2	Xã Xuân Hòa

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.I.24	Ban QLDA khu vực 7	Sửa chữa, chỉnh trang các tuyến đường khu trung tâm huyện, chỉnh trang hoa viên 9 tháng 4	Công ty CP Kỹ thuật Đầu tư xây lắp số 2	Xã Xuân Lộc
CT.I.25	Ban QLDA khu vực 8	Trường Mầm non Hoa Sen	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	Xã Xuân Đông
CT.I.26	Ban QLDA khu vực 8	Trạm Y tế xã Xuân Đường	Công ty TNHH Xây dựng Phúc Gia Huy	Xã Xuân Đường
CT.I.27	Ban QLDA khu vực 8	Trường Mầm non Xuân Đường	Công ty TNHH Xây dựng Phúc Gia Huy	Xã Xuân Đường
CT.I.28	Ban QLDA khu vực 9	Trường Tiểu học Phú Lý	Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Nguyễn Luận	Phường Phú Lý
CT.I.29	Ban QLDA khu vực 9	Trường Tiểu học Phú Lý	Công ty TNHH Xây dựng Đông Nhật Huy	Phường Phú Lý
CT.I.30	Ban QLDA sân bay Long Thành	Dự án cảng hàng không Quốc tế Long Thành	Ban điều hành Liên danh gói thầu 4.7 Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	Xã Long Thành
CT.I.31	Ban QLDA sân bay Long Thành	Đầu tư xây dựng Hangar số 1 tại Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	Công ty Cổ phần FECON	Xã Long Thành
CT.I.32	Công ty CP Sonadezi Long Bình	Xây dựng nhà xưởng số 02	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Kiến Minh	Phường Tân Triều

+ **Khu vực Vùng II:** gồm các phường Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bình Phước và các xã Xuân Quế, Cẩm Mỹ, Sông Ray, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Nha Bích, Tân Quan, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú, Đak Lua, Thanh Sơn.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.II.1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Nâng cấp, mở rộng ĐT 753 và Xây dựng cầu Mã Đà kết nối sân bay Quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép - Thị Vải - Gói thầu XL04	Công ty TNHH MTV Trường Thọ	Xã Tân Lợi
CT.II.2	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Nâng cấp, mở rộng ĐT 753 và Xây dựng cầu Mã Đà kết nối sân bay Quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép - Thị Vải - Gói thầu XL01	Công ty TNHH Thành Liêm	Pường Bình Phước
CT.II.3	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Nâng cấp, mở rộng ĐT 753 và Xây dựng cầu Mã Đà kết nối sân bay Quốc tế Long Thành và cảng Cái Mép - Thị Vải - Gói thầu XL02	Công ty CP Đầu tư xây dựng Mỹ Phước	Xã Đồng Tâm
CT.II.4	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt - Gói thầu số 10	Công ty CP Đầu tư xây dựng Mỹ Phước	Pường Bình Phước
CT.II.5	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt - Gói thầu số 15	Công ty CP Đầu tư xây dựng Mỹ Phước	xã Đồng Tâm

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.II.6	Ban QLDA khu vực 8	UBND xã Xuân Quế	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	Xã Xuân Quế
CT.II.7	Ban QLDA khu vực 10	Xây dựng Đường Suối Rắc từ km0+700 đến km2+050	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Định Quán
CT.II.8	Ban QLDA khu vực 10	Xây dựng Đường 104 Bắc Nam lộ	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Định Quán
CT.II.9	Ban QLDA khu vực 10	Thi công xây dựng Đường Phú Ngọc	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã Định Quán
CT.II.10	Ban QLDA khu vực 10	Đường Phú Cường - La Ngà	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã La Ngà
CT.II.11	Ban QLDA khu vực 10	Đường Vành Đai Thị trấn Định Quán	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã Định Quán
CT.II.12	Ban QLDA khu vực 11	Đường Nguyễn Chí Thanh	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã Tân Phú
CT.II.13	Ban QLDA khu vực 11	Khi tái định cư 15ha	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã Tân Phú
CT.II.14	Ban QLDA khu vực 11	Đường Hùng Vương	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã Tân Phú
CT.II.15	Ban QLDA khu vực 11	Đường Nguyễn Du	Công ty TNHH Thành Hưng Phúc	Xã Tân Phú
CT.II.16	Ban QLDA khu vực Đồng Phú	Láng nhựa đường từ nghĩa trang Thuận Phú đến ngã 4 Bàng Thạch	Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam	Xã Thuận Lợi
CT.II.17	Ban QLDA khu vực Chơn Thành	Nâng cấp, mở rộng Đường Phùng Hưng	Công ty TNHH Xây dựng Trường Sơn	Phường Chơn Thành
CT.II.18	Ban QLDA khu vực Chơn Thành	Cải tạo kè bờ Suối Đồi dài 2.5km	Công ty TNHH Thương mại đầu tư xây dựng Minh Đức	Phường Chơn Thành

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.II.19	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	Xây dựng Đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần	Công ty TNHH MTV Việt Thắng	Phường Bình Phước
CT.II.20	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	Xây dựng 07 phòng học, trang thiết bị, hệ thống PCCC và sửa chữa Trường Mầm non Hoa Hồng	Công ty TNHH Tư vấn dịch vụ xây dựng Phúc Thành	Phường Bình Phước
CT.II.21	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	Thi công xây dựng, mua sắm thiết bị dự án đầu tư nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất các thiết bị Trường học và mua sắm thiết bị dạy học	Công ty TNHH MTV Vạn Tín Phát	Phường Đồng Xoài
CT.II.22	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	Xây dựng 29 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng Trường THCS Tân Phú	Công ty TNHH MTV Vạn Tín Phát	Phường Bình Phước
CT.II.23	UBND xã Cẩm Mỹ	Trường Mầm non Sông Ray	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Kiên Minh	Xã Cẩm Mỹ
CT.II.24	UBND xã Nhơn Đức	Đường giao thông vào trực chính ấp 6 xã Nhơn Đức	Công ty TNHH Thương mại đầu tư xây dựng Minh Đức	Xã Nhơn Đức
CT.II.25	UBND xã Định Quán	Nâng cấp đường Gia Canh 1 xã Gia Canh	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Định Quán
CT.II.26	UBND xã Phú Vinh	Nâng cấp Đường vào hồ 116 Phú Vinh	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Phú Vinh

+ **Khu vực Vùng III:** gồm các xã, phường còn lại.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.III.1	Ban QLDA khu vực Phước Long	Xây dựng Trường Mẫu giáo Sao Sáng	Công ty TNHH Xây dựng Tiến Phát	Phường Phước Bình
CT.III.2	Văn phòng, HĐND và UBND phường Phước Bình	Nâng cấp, mở rộng Đường giao thông nông thôn Sơn Hà 1, Phú Châu	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Quang Minh	Phường Phước Bình
CT.III.3	Ban QLDA khu vực Bình Long	Xây dựng Đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	Công ty TNHH MTV Việt Thắng	Phường Bình Long
CT.III.4	Ban QLDA khu vực Bình Long	Xây dựng đường N2 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Thành	Phường Bình Long
CT.III.5	Ban QLDA khu vực Bình Long	Xây dựng đường D3 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Thành	Phường Bình Long
CT.III.6	Ban QLDA khu vực Hớn Quản	Xây dựng Trường Tiểu học Tân Khai	Công ty TNHH Xây dựng Đức Minh	Xã Tân Khai
CT.III.7	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	Xây dựng 04 phòng học, 02 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	Công ty TNHH MTV Sơn Hoàng Quân	Xã Lộc Hưng
CT.III.8	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	Xây dựng cầu tổ 7, ấp Tân Lợi qua suối Bù Linh đi UBND xã Lộc Phú	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Dương Thịnh	Xã Lộc Quang
CT.III.9	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	Đường từ cầu Ông Kỳ thị trấn Lộc Ninh đi xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh	Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Thành	Xã Lộc Ninh

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.III.10	UBND xã Lộc Tấn	Sửa chữa cầu áp Vườn Bưởi đi ấp K54, Xã Lộc Thiện	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đăng Dương	Xã Lộc Tấn
CT.III.11	Ban QLDA khu vực Phú Riềng	Sửa chữa Trường THPT Phú Riềng	Công ty TNHH Xây Dựng Thành Nam	Xã Phú Riềng
CT.III.12	Trường THCS Bù Nho	Xây dựng Trường THCS Bù Nho	Công ty T.N.H.H Xây dựng Trường Sơn	Xã Phú Riềng

+ **Khu vực Vùng IV:** gồm các xã Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo, Bù Gia Mập, Đăk Ô.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.IV.1	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai	Nạo vét, mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa huyện Bù Đăng	Công ty CP Xây dựng đầu tư và thương mại dịch vụ Hải Đăng	Xã Bù Đăng
CT.IV.2	Ban QLDA khu vực Bù Đăng	Xây dựng 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10	Công ty TNHH MTV Xây dựng Anh Hiếu	Xã Đăk Nhau
CT.IV.3	Ban QLDA khu vực Bù Đăng	Xây dựng Trường THCS Lương Thế Vinh	Công ty TNHH Xây dựng Tiến Phát	Xã Bon Bo
CT.IV.4	Ban QLDA khu vực Bù Gia Mập	Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Thành	Xã Bù Gia Mập

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
CT.IV.5	Ban QLDA khu vực Bù Gia Mập	Xây dựng kết cấu hạ tầng trung tâm xã Bình Thắng	Công ty TNHH MTV Xây dựng Nam Thành	Xã Đa Kia
CT.IV.6	Ban QLDA khu vực Bù Gia Mập	Nhà đa năng Trường THCS Đắc Ô	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Như Ý BP	Xã Đắc Ô
CT.IV.7	Ban QLDA khu vực Bù Gia Mập	Xây dựng kết cấu hạ tầng trung tâm xã Bù Gia Mập	Công ty CP Bê tông nhựa nóng Thuận Phú	Xã Bù Gia Mập
CT.IV.8	Ban QLDA khu vực Bù Đốp	Xây dựng 04 phòng học Trường Tiểu học Phước Thiện	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thiên Quý	Xã Hưng Phước
CT.IV.9	UBND xã Tân Tiến	Sửa chữa đường giao thông nông thôn ấp Tân Phước, ấp Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	Công ty TNHH Tư vấn Bình Sơn	Xã Tân Tiến
CT.IV.10	Trường Mầm non Hưng Phước	Xây dựng Trường Mầm non Hưng Phước	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Thiên Quý	Xã Hưng Phước
CT.IV.11	Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Bù Đốp	Xây dựng Nhà công vụ Ngân hàng Chính sách xã hội	Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam	Xã Thiện Hưng

3. Kết quả điều tra, khảo sát đơn giá nhân công xây dựng từ kết quả trúng thầu, hồ sơ quyết toán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đơn giá nhân công xây dựng thu thập số liệu từ kết quả trúng thầu của các công trình xây dựng theo Bảng 4.4 Phụ lục IV, Thông tư số 01/2025/TT-BXD. Qua hồ sơ thu thập được thì đơn vị tư vấn nhận thấy giá gói thầu được các Chủ đầu tư sử dụng Đơn giá nhân công áp dụng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 329/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 3581/QĐ-SXD ngày 19/11/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng để lập giá gói thầu theo đơn giá tổng hợp. Thực tế kết quả trúng thầu và quyết toán gói thầu của các nhà thầu đều không vượt qua giá gói thầu do Chủ Đầu tư dùng đơn giá nhân công theo quyết định của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai để lập.

Danh sách các công trình thu thập kết quả trúng thầu (hoặc hồ sơ quyết toán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

+ **Khu vực Vùng I:** gồm các phường Biên Hòa, Trảng Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Tân Triều, Phước Tân, Tam Phước, Phú Lý và các xã Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, Long Thành, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Trảng Bom, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Dầu Giây, Gia Kiệm, Thống Nhất, Xuân Đường, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, Trị An, Tân An.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.I.1	Ban QLDA khu vực 02	Đường Xuân Lập – Hàng Gòn	Công ty TNHH Xây dựng Đông Nhật Huy	Phường Xuân Lập
QT.I.2	Ban QLDA khu vực 02	Cầu Thiện Mỹ	Công ty TNHH Cơ khí & Xây dựng Nguyễn Luân	Phường Bảo Vinh
QT.I.3	Ban QLDA khu vực 04	Đường bên hông Chợ Dầu Mối giai đoạn 2	Công ty cổ phần Tập đoàn Quang Phúc	Xã Dầu Giây
QT.I.4	Ban QLDA khu vực 04	Trường Mầm non Sơn ca	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Dầu Giây

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.I.5	Ban QLDA khu vực 04	Đường trục chính D8 từ N1 đến QL1A	Công ty TNHH Xây dựng Vũ Hiệp	Xã Dầu Giây
QT.I.6	Ban QLDA khu vực 05	Xây lắp công trình Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến chợ Long Thành)	Liên danh CTCP công trình Thành Phát và CTCP Đầu tư phát triển xây dựng Đông Á	Xã Long Thành
QT.I.7	Ban QLDA khu vực 05	Xây dựng Trường Tiểu học Long Phước	Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Đình Thịnh Phát và Công ty TNHH thiết kế xây dựng Thiên Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV Đình Phúc	Xã Long Phước
QT.I.8	Ban QLDA khu vực 05	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Phước Thiện	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Kim Long	Xã Nhơn Trạch
QT.I.9	Ban QLDA khu vực 06	Xây dựng mới Trạm Y tế xã Long Tân huyện Nhơn Trạch	Công ty TNHH xây dựng Phúc Gia Huy	Xã Nhơn Trạch
QT.I.10	Ban QLDA khu vực 06	Xây dựng mới Trạm Y tế thị trấn Hiệp Phước	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng ACC Thành Nhơn	Xã Nhơn Trạch
QT.I.11	Ban QLDA khu vực 07	Trường Mầm non Xuân Phú	Công ty TNHH MTV Phi Nhân Phát	Xã Xuân Phú
QT.I.12	Ban QLDA khu vực 07	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương, Tân Phú	Công ty TNHH XDTM Vận tải Đông Bắc	Xã Xuân Lộc
QT.I.13	Ban QLDA khu vực 07	Trường Mầm non Xuân Hưng	Công ty CP Đầu tư kỹ thuật Xây lắp số 02	Xã Xuân Hòa

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.I.14	Ban QLDA khu vực 9	Xây dựng mới Trường Tiểu học Kim Đồng cơ sở 2	Công ty TNHH xây dựng Ngọc Pháp	Xã Trị An
QT.I.15	Ban QLDA khu vực 9	Khu tái định cư Bình Lợi	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hoàng Hải Phát	Phường Tân Triều

+ **Khu vực Vùng II:** gồm các phường Minh Hưng, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bình Phước và các xã Xuân Quế, Cẩm Mỹ, Sông Ray, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Tân Phú, Phú Lâm, Nha Bích, Tân Quan, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Đồng Phú, Đak Lua, Thanh Sơn.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.II.1	Ban QLDA khu vực Đồng Phú	Xây dựng 04 phòng chức năng và một số hạng mục phụ trợ Trường mầm non Tân Hòa	Công ty Cổ phần Tư vấn ACC	Xã Tân Lợi
QT.II.2	Ban QLDA khu vực 11	Cấp bách tạm thời chống sạt lở bờ sông La Ngà, xã Phú Bình	Công ty TNHH Kinh doanh Tư vấn ĐTXD Hoàng Hà	Xã Phú Lâm
QT.II.3	Ban QLDA khu vực 11	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định	Liên danh Công ty TNHH Nam Ninh và Công ty CP TV-TK-XD Định Bình	Xã Tân Phú
QT.II.4	Ban QLDA khu vực 11	Sửa chữa Trường TH&THCS Phú An	Công ty CP TV-TK-XD Định Bình	Xã Nam Cát Tiên
QT.II.5	Ban QLDA khu vực Chơn Thành	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ và nhà ăn UBND thị xã Chơn Thành	Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Thiên Phú	Xã Chơn Thành

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.II.6	Ban QLDA khu vực Chơn Thành	Cải tạo, sửa chữa Phòng QLĐT và Phòng LĐ-TB&XH	Liên danh Công ty Kim Minh Long và An Định Lộc	Xã Chơn Thành
QT.II.7	Ban QLDA khu vực Chơn Thành	Gói XL02 thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Lê Duẩn, thị trấn Chơn Thành	Liên danh Công ty xây dựng Nhật Tân – An Định Lộc – Trung Kiên	Xã Chơn Thành
QT.II.8	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	Lắp đặt đèn trang trí, led, màn hình một số tuyến đường trục chính trên địa bàn thành phố	Công ty TNHH Xây dựng Thọ Phú	Phường Bình Phước
QT.II.9	Ban QLDA khu vực Đồng Xoài	Xây dựng 29 phòng học, phòng học bộ môn, chức năng Trường THCS Tân Phú	Công ty TNHH MTV Vạn Tín Phát	Phường Bình Phước
QT.II.10	Ban QLDA khu vực 10	Thi công xây dựng, thuộc công trình Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Gia Canh	Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	Xã Định Quán
QT.II.11	Ban QLDA khu vực 10	Thi công xây dựng thuộc công trình: Mở rộng đường ống cấp nước tập trung cho xã Phú Lợi	Công ty TNHH Thanh Sơn Tính	Xã Định Quán
QT.II.12	Ban QLDA khu vực 10	Thi công xây dựng, thuộc công trình Đường ống cấp nước sinh hoạt ấp 1, 2 xã Thanh Sơn	Công ty TNHH Thanh Sơn Tính và Công ty CP Xây dựng vận tải 68	Xã Định Quán

+ Khu vực Vùng III: gồm các xã, phường còn lại.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.III.1	Ban QLDA khu vực Bình Long	Thảm bê tông nhựa, mương thoát nước, vỉa hè đường Đoàn Thị Điểm (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Thái Học)	Liên danh Trung Nam – Huy Hoàng	Xã Bình Long
QT.III.2	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	Xây dựng 08 phòng khối học tập, 04 phòng khối hỗ trợ học sinh, 06 phòng khối phụ trợ, 04 phòng khối HCQT và các công trình phụ trợ Trường TH&THCS Lộc Thạnh	Liên danh Công ty TNHH Xây dựng – trang trí nội thất Khang Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư phát triển nội thất Xuân Hòa	Xã Lộc Ninh
QT.III.3	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	Xây dựng 04 phòng học, 02 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, phòng thư viện, nhà kho, nhà bếp và các công trình phụ trợ Trường mẫu giáo Măng Non xã Lộc Điền	Công ty TNHH MTV Sơn Hoàng Quân và Công ty TNHH MTV Green Sky	Xã Lộc Ninh
QT.III.4	Ban QLDA khu vực Lộc Ninh	Xây dựng đường GTNT tổ 5, ấp Thạnh Phú, xã Lộc Thạnh	Liên danh Tùng Duy Đức – Quang Minh	Xã Lộc Ninh
QT.III.5	Ban QLDA khu vực Hớn Quản	Xây dựng 08 phòng học, 08 phòng chức năng, bộ môn Trường Tiểu học Tân Khai B	Công ty TNHH MTV ĐTXD Tổng hợp Nam Phong	Xã Hớn Quản

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.III.6	Ban QLDA khu vực Hớn Quản	Xây dựng 12 phòng học, bộ môn Trường Tiểu học Tân Hưng B	Công ty TNHH MTV ĐTXD Tổng hợp Nam Phong	Xã Hớn Quản
QT.III.7	Ban QLDA khu vực Phú Riềng	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường THCS Bù Nho	Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam	Xã Phú Riềng
QT.III.8	Ban QLDA khu vực Phú Riềng	Xây dựng cầu, đường (đoạn 01) và các hạng mục phụ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé (giai đoạn 4)	Công ty TNHH MTV TV XD TM Huy Hoàng	Xã Bình Tân
QT.III.9	Ban QLDA khu vực Phú Riềng	Nâng cấp đường thôn Phu Mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé – xã Long Hà	Công ty TNHH XD TM TTNT Tiền Hải	Xã Long Hà
QT.III.10	Ban QLDA khu vực Phước Long	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến thôn 7 xã Long Giang)	Liên danh Công ty Huy Hoàng	Xã Phước Long
QT.III.11	Ban QLDA khu vực Phước Long	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng đường Nguyễn Tất Thành (đoạn từ ngã 3 bến xe Phước Long đến ngã 4 đường vào mặt bằng)	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thịnh Phát	Xã Phước Long
QT.III.12	Ban QLDA khu vực Phước Long	Xây dựng Trường Mẫu giáo Sao Sáng	Liên danh Công ty Hoàng Quân	Xã Phước Long

+ **Khu vực Vùng IV:** gồm các xã Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo, Bù Gia Mập, Đăk Ô.

STT	Tên Chủ đầu tư	Tên dự án - công trình	Tên nhà thầu	Địa điểm XD
QT.IV.1	Ban QLDA khu vực Bù Đăng	Xây dựng 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10	Liên danh Công ty Anh Hiếu – Nhất Tâm	Xã Bù Đăng
QT.IV.2	Ban QLDA khu vực Bù Đăng	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt thị trấn Đức Phong (Giai đoạn 2)	Liên danh Công ty Xây dựng Hữu Nhu – Bảo An	Xã Bù Đăng
QT.IV.3	Ban QLDA khu vực Bù Đăng	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Ông Thoại đến tiếp giáp xã Đăk Lua, huyện Tân Phú	Liên danh Công ty Trường Thành – Thành Nguyễn	Xã Bù Đăng
QT.IV.4	Ban QLDA khu vực Bù Đốp	Xây dựng 12 phòng học lầu Trường Tiểu học Thiện Hưng B, huyện Bù Đốp	Liên danh Công ty Quang Sáng	Xã Thiện Hưng
QT.IV.5	Ban QLDA khu vực Bù Đốp	Xây dựng khối phòng học chức năng 03 tầng bao gồm 09 phòng của Trường phổ thông DTNT – THCS Bù Đốp	Liên danh Phước Long	Xã Thiện Hưng
QT.IV.6	Ban QLDA khu vực Bù Đốp	Đường Vành đai từ ngã 4 nhà văn hóa ấp 2 xã Tân Hòa đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	Công ty TNHH XD Cầu đường Thành Tâm	Xã Thiện Hưng

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CÔNG BỐ ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG

Căn cứ kết quả xác định đơn giá nhân công xây dựng từ việc điều tra, thu thập thực tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để việc áp dụng đơn giá nhân công phục vụ lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam đề xuất phương án công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh, như sau:

Công bố theo Đơn giá nhân công xác định từ kết quả tính toán thực tế. Đơn giá ngày công của nhân công xây dựng xác định cho thời gian làm việc quy định (8 giờ/ngày, 26 ngày/tháng) theo nhóm nhân công của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng, phù hợp với trình độ tay nghề theo cấp bậc thợ nhân công trong hệ thống định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Đơn giá nhân công xây dựng được tính toán phù hợp với giá nhân công xây dựng trên thị trường lao động của địa phương, phù hợp với đặc điểm, tính chất công việc của nhân công xây dựng; đã bao gồm lương, phụ cấp lương theo đặc điểm tính chất của sản xuất xây dựng và một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định. Chi phí thuộc trách nhiệm của người lao động phải trả theo quy định gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và một số khoản phải trả khác.

V. KẾT QUẢ TÍNH TOÁN ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI.

1. Bảng tổng hợp đơn giá nhân công từng vùng của địa phương

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG VÙNG I

STT	Nhóm công tác xây dựng Số thứ tự mẫu phiếu khảo sát	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)				Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán (đ/ngc)	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán làm tròn (đ/ngc)
		CT.I	CG.I	QT.I			
		(1)	(2)	(3)		$G_{NCXD} = [(1)+(2)+...+(n)]/n$	
I	Công nhân xây dựng trực tiếp						
1.1	Nhóm I	313.841		299.500		306.671	306.700
1.2	Nhóm II	333.625		322.200		327.913	327.900
1.3	Nhóm III	339.881		329.300		334.591	334.600
1.4	Nhóm IV						
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	350.851		332.500		341.676	341.700
	+ Nhóm lái xe các loại	350.851		332.500		341.676	341.700
II	Nhóm nhân công khác						
2.1	Vận hành tàu thuyền						
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	481.498		467.000		474.249	474.200
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	404.859		371.200		388.030	388.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	435.897		402.100		418.999	419.000
2.2	Thợ lặn	659.231		640.800		650.016	650.000
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	368.621		350.000		359.311	359.300
2.4	Nghệ nhân	634.978		620.000		627.489	627.500

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG VÙNG II

STT	Nhóm công tác xây dựng Số thứ tự mẫu phiếu khảo sát	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)				Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán (đ/ngc)	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán làm tròn (đ/ngc)
		CT.II	CG.II	QT.II			
					Bảng 4.6 Phụ lục IV Thông tư 01/2025/TT-BXD		
		(1)	(2)	(3)		$G_{NCXD} = [(1)+(2)+...+(n)]/n$	
I	Công nhân xây dựng trực tiếp						
1.1	Nhóm I	307.064		275.187		291.126	291.100
1.2	Nhóm II	320.391		291.218		305.805	305.800
1.3	Nhóm III	322.465		298.320		310.393	310.400
1.4	Nhóm IV						
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	332.736		306.226		319.481	319.500
	+ Nhóm lái xe các loại	332.736		306.226		319.481	319.500
II	Nhóm nhân công khác						
2.1	Vận hành tàu thuyền						
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	463.617		417.735		440.676	440.700
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	392.349		339.335		365.842	365.800
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	434.786		358.876		396.831	396.800
2.2	Thợ lặn	602.361		578.550		590.456	590.500
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	359.839		314.116		336.978	337.000
2.4	Nghệ nhân	582.593		568.000		575.297	575.300

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG VÙNG III

STT	Nhóm công tác xây dựng Số thứ tự mẫu phiếu khảo sát	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)			Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán (đ/ngc)	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán làm tròn (đ/ngc)
		CT.III	CG.III	QT.III		
		Bảng 4.6 Phụ lục IV Thông tư 01/2025/TT-BXD				
		(1)	(2)	(3)	$G_{NCXD}=[(1)+(2)+...+(n)]/n$	
I	Công nhân xây dựng trực tiếp					
1.1	Nhóm I	270.671		241.685	256.178	256.200
1.2	Nhóm II	287.052		258.374	272.713	272.700
1.3	Nhóm III	295.588		267.543	281.566	281.600
1.4	Nhóm IV					
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	306.391		279.081	292.736	292.700
	+ Nhóm lái xe các loại	306.391		279.081	292.736	292.700
II	Nhóm nhân công khác					
2.1	Vận hành tàu thuyền					
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	413.807		372.417	393.112	393.100
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	341.173		304.939	323.056	323.100
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	351.473		314.417	332.945	332.900
2.2	Thợ lặn	567.289		550.127	558.708	558.700
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	330.116		296.079	313.098	313.100
2.4	Nghệ nhân	539.259		527.000	533.130	533.100

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG VÙNG IV

STT	Nhóm công tác xây dựng Số thứ tự mẫu phiếu khảo sát	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)				Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán (đ/ngc)	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tính toán làm tròn (đ/ngc)
		CT.IV	CG.IV	QT.IV			
		Bảng 4.6 Phụ lục IV Thông tư 01/2025/TT-BXD					
		(1)	(2)	(3)	$G_{NCXD} = [(1)+(2)+...+(n))/n$		
I	Công nhân xây dựng trực tiếp						
1.1	Nhóm I	255.815		231.208		243.512	243.500
1.2	Nhóm II	278.241		249.763		264.002	264.000
1.3	Nhóm III	282.029		256.463		269.246	269.200
1.4	Nhóm IV						
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	296.163		269.967		283.065	283.100
	+ Nhóm lái xe các loại	296.163		269.967		283.065	283.100
II	Nhóm nhân công khác						
2.1	Vận hành tàu thuyền						
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	394.649		354.286		374.468	374.500
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	313.879		288.624		301.252	301.300
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	327.997		299.138		313.568	313.600
2.2	Thợ lặn	536.206		524.677		530.442	530.400
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	320.965		291.613		306.289	306.300
2.4	Nghệ nhân	524.815		502.308		513.562	513.600

2. Kết quả tính toán đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh
Đồng Nai

STT	Nhóm công tác xây dựng	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đồng/ ngày)			
			Vùng I	VùngII	Vùng III	Vùng IV
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Công nhân xây dựng trực tiếp					
1.1	Nhóm I	3,5/7	306.700	291.100	256.200	243.500
1.2	Nhóm II	3,5/7	327.900	305.800	272.700	264.000
1.3	Nhóm III	3,5/7	334.600	310.400	281.600	269.200
1.4	Nhóm IV					
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	341.700	319.500	292.700	283.100
	+ Nhóm lái xe các loại	2/4	341.700	319.500	292.700	283.100
II	Nhóm nhân công khác					
2.1	Vận hành tàu thuyền					
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	474.200	440.700	393.100	374.500
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2/4	388.000	365.800	323.100	301.300
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	1,5/2	419.000	396.800	332.900	313.600
2.2	Thợ lặn	2/4	650.000	590.500	558.700	530.400
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	4/8	359.300	337.000	313.100	306.300
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	627.500	575.300	533.100	513.600

3. So sánh tỷ lệ tăng, giảm (%) đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai so với đơn giá nhân công tại Quyết định số 329/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai trước sáp nhập) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng; đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nhóm công tác xây dựng	So sánh đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập) tại Quyết định số 329/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 (%)			
		Vùng I	Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Công nhân xây dựng trực tiếp				
1.1	Nhóm I	102,40	101,46		
1.2	Nhóm II	101,77	100,89		
1.3	Nhóm III	101,61	100,03		
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	102,77	102,40		
	+ Nhóm lái xe các loại	102,77	102,40		
II	Nhóm nhân công khác				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	101,54	101,36		
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	104,53	104,48		
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	104,20	104,56		
2.2	Thợ lặn	101,44	103,60		
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	102,66	103,69		
2.4	Nghệ nhân	101,21	101,29		

4. So sánh tỷ lệ tăng, giảm (%) đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai so với đơn giá nhân công tại Quyết định số 3581/QĐ-SXD ngày 19/11/2024 của Sở Xây dựng Bình Phước (tỉnh Bình Phước trước sáp nhập) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng ; Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

STT	Nhóm công tác xây dựng	So sánh đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Bình Phước (tỉnh Bình Phước trước sáp nhập) tại Quyết định số 3581/QĐ-SXD ngày 19/11/2024 (%)			
		Vùng I	Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Công nhân xây dựng trực tiếp				
1.1	Nhóm I		110,49	106,01	105,32
1.2	Nhóm II		109,47	105,54	105,70
1.3	Nhóm III		108,40	105,25	104,97
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng		106,34	104,88	104,86
	+ Nhóm lái xe các loại		106,34	104,88	104,86
II	Nhóm nhân công khác				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó		109,99	105,55	105,71
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện		111,33	105,96	104,39
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông		117,31	105,88	104,83
2.2	Thợ lặn		100,58	101,56	101,09
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp		111,14	105,75	105,04
2.4	Nghệ nhân		101,29	101,16	102,31

5. Tình hình công bố đơn giá nhân công các địa phương lân cận tỉnh Đồng Nai và So sánh tỷ lệ tăng, giảm (%) đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai so với các địa phương lân cận (nếu có).

+ Tỉnh Lâm Đồng: Quyết định số 190/QĐ-SXD ngày 26/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Lâm Đồng trước sáp nhập) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

STT	Nhóm công tác xây dựng	So sánh đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 tỉnh Lâm Đồng (tỉnh Lâm Đồng trước sáp nhập) (%)			
		Vùng I	Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Công nhân xây dựng trực tiếp				
1.1	Nhóm I		99,35	91,17	89,85
1.2	Nhóm II		100,92	95,68	96,00
1.3	Nhóm III		102,11	98,46	97,18
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng		104,41	101,63	101,83
	+ Nhóm lái xe các loại		104,41	101,63	101,83
II	Nhóm nhân công khác				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó		111,85	107,11	107,61
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện		100,22	94,47	94,16
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông		115,35	102,12	99,56
2.2	Thợ lặn		102,16	103,08	102,59
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp		106,65	105,42	106,72

+ Thành phố Hồ Chí Minh: Quyết định số 325/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương (tỉnh Bình Dương trước sáp nhập) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

STT	Nhóm công tác xây dựng	So sánh đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với đơn giá nhân công xây dựng năm 2024 tỉnh Bình Dương (tỉnh Bình Dương trước sáp nhập) (%)			
		Vùng I			
I	Công nhân xây dựng trực tiếp				
1.1	Nhóm I	101,73			
1.2	Nhóm II	97,59			
1.3	Nhóm III	99,58			
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	101,70			
	+ Nhóm lái xe các loại	101,70			
II	Nhóm nhân công khác				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	109,45			
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	111,49			
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông				
2.2	Thợ lặn	104,84			
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	102,98			
2.4	Nghệ nhân	106,36			

+ Tỉnh Tây Ninh: Quyết định số 512/QĐ-SXD ngày 06/06/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Long An (tỉnh Long An trước sáp nhập) về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2025.

STT	Nhóm công tác xây dựng	So sánh đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 tỉnh Long An (tỉnh Long An trước sáp nhập) (%)			
		Vùng I	Vùng II	Vùng III	Vùng IV
I	Công nhân xây dựng trực tiếp				
1.1	Nhóm I	105,43	101,75	91,14	90,96
1.2	Nhóm II	109,15	104,01	95,58	94,18
1.3	Nhóm III	109,96	104,16	97,95	95,70
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	111,96	105,69	98,62	100,39
	+ Nhóm lái xe các loại	111,96	105,69	98,62	100,39
II	Nhóm nhân công khác				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	111,92	104,98	97,06	96,77
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	111,49	108,22	98,15	93,37
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	113,86	108,98	93,93	90,74
2.2	Thợ lặn	104,84	99,88	102,38	100,21
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	120,29	113,35	108,26	108,19
2.4	Nghệ nhân	106,36	101,29	101,16	102,31

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công việc điều tra, khảo sát, xử lý số liệu đơn giá nhân công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của Phân viện Kinh tế xây dựng miền Nam.

Kính gửi Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai xem xét và quyết định./.

